THIÊN THỦ THIÊN NHÃN
THANH CẢNH QUÁN THẾ ÂM
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI KINH
Biên Dịch: Huyền Thanh
---o0o---
Nguồn
www.quangduc.com
Chuyển sang ebook 18 – 8 - 2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

Lời Giới Thiệu
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI
ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

---o0o---

Lời Giới Thiệu

THANH CẢNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

THANH CẢNH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT có tên Phạn là NÌLAKANÏTÏHA trong đó NÌLA là màu xanh, KANÏTÏHA là cái cổ. Như vậy NÌLAKANÏTÏHA có nghĩa là cái cổ màu xanh nên gọi là THANH CẢNH. Một số bản truyền thừa dịch âm tên này là : Na La Giản Đà, Ni La Kiến Tha, Nễ La Cẩn Trì, Nễ La Kiến Thế, Na La Cẩn Trì, hoặc ghi nhận tên Phạn là: Nilaghace, Arya Nilaghace, Nìlakanïtïhi, Nalakiddhi …

Theo truyền thống Mật Giáo thì Tôn này vì muốn dứt trừ mọi sự sợ hãi, oán nạn cho tất cả chúng sinh nên đã ăn nuốt tất cả chất độc, mọi loại bất thiện uế ác … gom tụ ở cổ mà có cái cổ màu xanh. Do đây mới có tên là Thanh Cảnh. Truyền thống này cũng tương đồng với truyện tích thần thoại cổ xưa của Ấn Độ về VISÏNÏU Thượng Đế.

Căn cứ vào Ca Lâu La Vĩ Sa pháp thì Ma Hê Thủ La (Mahe'svara) có 3 mắt, tên cổ hiện màu xanh, toàn thân có 18 tay nên được xem là tương đồng với Tôn này.

Theo Hiện Đồ Thai Tạng Giới Man Đa La thì Thanh Cảnh Quán Âm có vị trí trong Viện Quan Âm và là một trong 4 Vị Đa La Tôn tu trì thành tựu pháp Quán Âm đồng thời biểu thị cho công đức nội chứng của Quán Tự Tại Bồ Tát.

Theo Mật Giáo Trung Hoa, do Đức Quán Tự Tại Vương Như Lai tu hành pháp yếu LIÊN HOA ĐẠT MA (PADMA DHARMA – Liên Hoa Pháp) nên Đức Phật A Di Đà có biệt hiệu là THANH CẢNH.

(HÌNH TƯỢNG: có 3 loại là 2 tay, 4 tay, 1000 mắt 1000 tay.

- Quyến Sách Kinh 9 ghi là: Thanh Cảnh Quán Thế Âm có tay trái cầm hoa sen, tay phải dương chưởng, ngồi kiết già.

- Khẩu Quyết ghi là: như Thánh Quán Âm chỉ có cái cổ màu xanh, hiện 1000 mắt 1000 tay (Do Tôn tượng này mà Thanh Cảnh Quán Âm còn được tôn xưng là Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Âm).

- Thanh Cảnh Nghi Quỹ ghi là: Màu trắng có 3 mặt. Mặt chính có dung mạo từ bi vui vẻ, bên phải là mặt sư tử, bên trái là mặt heo. Đầu đội mão báu, trong mão có Vị Hóa Vô Lượng Thọ Phật. Toàn thân có 4 tay. Bên phải: tay thứ nhất cầm cây gậy, tay thứ hai cầm hoa sen. Bên trái: tay thứ nhất cầm bánh xe (Luân), tay thứ hai cầm vỏ ốc (Loa). Dùng da cọp là quần, da hươu đen làm khăn quấn khoác ở góc vai trái, dùng con rắng đen làm Thần tuyến. Ngồi trên hoa sen tám cánh. Anh lạc, vòng xuyến tỏa ánh lửa trang nghiêm thân thể và Thần tuyến từ bắp tay trái rũ xuống.

(Tôn này có chủng tử là HRÌHÏ (豦) hay SA (屹) hoặc SAHÏ (戍)

(Tam muội gia hình là Hoa sen xanh mới nở hoặc bánh xe.

(ẤN QUYẾT:

1) BÍ MẬT ẤN: 2 ngón út, 2 ngón vô danh, 2 ngón giữa cài chéo nhau bên ngoài. Dựng 2 ngón trỏ chạm đầu nhau như cánh sen. Dựng 2 ngón cái song song như cây phướng (Ấn này còn có tên là NGOẠI PHỘC THANH LIÊN ẤN).

Chân ngôn là:

OMÏ PADME NÌLAKANÏTÏHI JVALA BHRÙ BHRÙ HÙMÏ .

2) Chắp 2 tay lại giữa rỗng, có 2 ngón cái vào trong lòng bàn tay. 2 ngón trỏ đều nắm lóng trên của 2 ngón cái. 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út hơi co đầu ngón chạm nhau. Chân ngôn như trên.

3) Hai tay kết Kim Cương Phộc. 2 ngón giữa như cây phướng. Chân ngôn là:

OMÏ LOKE JVALA RÀJA HRÌHÏ

4) THANH CẢNH ẤN: 2 tay cài chéo nhau bên ngoài. Rút ngón cái trái vào lòng chưởng, duỗi thẳng ngón cái phải. 2 ngón giữa làm hình cánh sen. Duỗi thẳng 2 ngón vô danh. 2 ngón út (trái đè phải) cùng cài chắc nhau. Chân ngôn là THANH CẢNH QUÁN Ự TẠI BỒ TÁT TÂM ĐÀ LA NI.

5) THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM ẤN: Chắp 2 tay lại giữa rỗng. Co 2 ngón trỏ đều móc lóng thứ hai của ngón cái (Đây là Loa Pháp). Dựng hợp 2 ngón giữa (Đây là Hoa sen). Dựng 2 ngón vô danh nghiêm tròn trịa (Đây là Bánh xe). Dựng hợp 2 ngón út (Đây là cây gậy). Nơi Một Ấn có đủ 4 Ấn là : Pháp Loa, Liên Hoa, Luân, Trượng vậy. Chân ngôn là THANH CẢNH ĐẠI BI TÂM CHÚ.

---o0o---

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Đại Bi Tâm Đà La Ni (Mahà Kàrunïika citta Dhàranïì) là bài Chú căn bản minh họa Công Đức Nội Chứng của Đức Quán Tự Tại Bồ Tát (Avalokite'svara Bodhisatva) Bài Chú này có các tên gọi là : Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni, Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni… và thường gọi tắt là Chú Đại Bi

Theo Kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni do Ngài Già Phạm Đạt Ma (Bhagavad_Dharma) dịch thì bài Chú Đại Bi có 9 tên gọi là :

1) Quảng Đại Viên Mãn Đà La Ni

2) Vô Ngại Đại Bi Đà LaNi

3) Cứu Khổ Đà La Ni

4) Diên Thọ Đà La Ni

5) Diệt Ác Thú Đà La Ni

6) Phá Nghiệp Chướng Đà La Ni

7) Mãn Nguyện Đà La Ni

8) Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni

9) Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni

Nếu dựa vào Truyền Thống phổ thông thì Bài Chú Đại Bi này thường được xưng tán là Tâm Chú (Citta Mantra) của Đức Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhưng theo Truyền Thống Mật Giáo, hầu hết các bài Đà La Ni của các vị Quán Âm đều được xưng tán là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Do vậy các Giáo Đồ Phật Giáo thường ngộ nhận bài Chú của Tôn này với Tôn khác.

Theo sự khảo cứu của chúng tôi thì bài Chú Đại Bi thường dùng chính là Tâm Chú của Đức Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát (Nìlakanïtïha Avalokite'svara Bodhisatva) và được lưu truyền dưới 2 dạng là bản dài với bản ngắn

1) Bản dài (Quảng Bản) được ghi nhận qua các bài : Thanh Cảnh Quán Tự Tại Bồ Tát Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Nễ La Kiến Tha Đà La Ni (Ngài Kim Cương Trí dịch) Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Chỉ Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Tự Tại Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Chú (Ngài Kim Cương Trí dịch)

2) Bản ngắn (Lược Bản) được ghi nhận qua các bài : Đại Từ Đại Bi Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Tự Tại Vương Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Tự Tại Thanh Cảnh Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài

Bất Không dịch) Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni (Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch)

Do các bản Chú Văn có nhiều loại phiên dịch nên chương cú cũng dựa theo các Kinh Văn mà có sự khác biệt kể cả số lượng câu và Phạn Ngữ.

Nay với ước nguyện góp chút công sức cho sự tham cứu của Phật Tử Việt Nam, tôi cố gắng phiên dịch các kinh bản có liên quan đến bài Chú Đại Bi (Ngoại trừ kinh bản của Ngài Già Phạm Đạt Ma dịch mà Thầy THÍCH THIỀN TÂM đã dịch) và mạo muội phục hồi lại nghĩa ngữ của Quảng Bản với Lược Bản. Điều không thể tránh được là các bản dịch này vẫn còn sự khiếm khuyết, ngưỡng mong chư vị cao tăng Đại Đức, các bậc Long Tượng của Mật Giáo hãy rũ lòng Từ Bi chỉ bảo và sữa chữa giùm cho các bản dịch được hoàn chỉnh hơn.

Mọi Công Đức có được trong tập ghi chép này, con kính dâng lên hương linh của Thân Phụ (Nguyễn Vũ Nhan) Thân Mẫu (Vũ Thị Ni) là hai bậc ân nhân đầu tiên của con.

Con xin kính dâng các Công Đức có được lên Thầy Pháp Quang ,Thầy Thích Quảng Trí , Sư Cô Như Hạnh là các bậc Thầy luôn theo dõi, hỗ trợ, thúc đẩy con nghiên cứu các Pháp Tu Mật Giáo cho chính đúng.

Tôi xin chân thành cảm tạ anh Nguyễn Đình Tạc , chị Nguyễn Thị Mộng Hương , cháu Nguyễn Thị Mộng Trâm đã thường xuyên hỗ trợ phần vật chất cho tôi trong thời gian soạn dịch Kinh Điển.

Tôi xin chân thành cám ơn người bạn đường Ngọc Hiếu (Vũ Thị Thanh Hà) đã cam chịu mọi sự khó khăn trong cuộc sống để giúp cho tôi an tâm trên con đường tìm hiểu Chính Pháp Giải Thoát của Đấng Phật Đà

Nguyện xin Tam Bảo, các vị Hiền Thánh, các vị Hộ Pháp hãy ban rải Thần Lực gia trì cho chúng con , các bậc ân nhân của chúng con và tất cả chúng Hữu Tình mau chóng tránh được mọi sai lầm trên bước đường tu tập Chính Pháp Giải Thoát và mau chóng cùng đạt được Quả Vị Giải Thoát.

Cuối mùa Thu năm Bính Tuất (2006)

Huyền Thanh (Nguyễn Vũ Tài) kính ghi

---o0o---

Mật Tạng Bộ 03. No 1061 (Tr.112 (Tr.113)

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

CHÚ BẢN

Một Quyển

Hán dịch : Đời Đường - Đại Hoằng Giáo – Tam Tạng Sa Môn KIM CƯƠNG TRÍ phụng chiếu dịch.

Việt dịch : HUYỀN THANH

1.Nẵng mộ la đát-nẵng đát-la dạ dã

2.Nẵng mạc a lị-dạ

3.Phộc chỉ đế thấp-phộc la gia

4.Mạo địa tát đát-phộc gia

5.Mãng hạ tát đát-phộc gia

6.Mãng hạ ca lỗ nĩnh ca gia

7.Tát ma mãn đà nẵng

8.Chí ná nẵng ca la gia

9.Tát ma bà phộc

10.Sa mẫu nại-lăng tạc sái noa ca la gia

11.Tát ma di-dạ địa

12.Bả-la xả mãng nẵng ca la gia

13.Tát mê để đa-dữu bả nại-la phộc

14.Vĩ na xả nẵng ca la gia

15.Tát bà ma duệ số

16.Đát-la noa ca la gia

17.Đả tư-mai nẵng mãng tư-cát-lị đa-phộc y na ma a lị-dạ

18.Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la bán sử đan nễ la kiến xá bế

19.Nẵng mãng ngột lị ná gia

20.Ma vật-sắc đả dĩ sử-dạ nhĩ

21.Tát ma tha ta đà kiến

22.Thú bạn a nhĩ diên

23.Tát ma bộ đá nam

24.Ba phộc mạt nga vĩ thú đà kiếm

25.Đát nễ-dã tha

26.Án

27.A lộ kế a lộ ca mãng để

28.Lộ ca để ngật-sái đế hề hạ lệ a lị dạ

29.Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la

30.Mãng hạ mạo địa tát đa phộc

31.Hề mạo địa tát đa phộc

32.Hề mãng hạ mão địa tát đa phộc

33.Hề tỷ-lị dã mạo địa tát đa phộc

34.Hề mãng hạ ca lỗ nĩnh ca

35.Đồ mãng la ngột-lị ná diên

36.Tứ tứ hạ lệ a lị gia

37.Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la

38.Mãng hề thấp-phộc la

39.Bả la mãng đa-la chất đa

40.Mãng hạ ca lỗ nĩnh ca

41.Cự lỗ cự lỗ yết mãn ta đại gia ta đại gia

42.Vĩ nễ diên

43.Ninh hề nhĩ hề đa phộc lan

44.Ca mãn nga mãng

45.Vĩ hãn nga mãng vĩ nga mãng tất đà dụ nghi thấp-phộc la

46.Đổ lô đổ lô vĩ diễn để

47.Mãng hạ vĩ diễn để

48.Đà la đà la đạt lệ ấn-niết lệ tự thấp phộc la

49.Tả la tả la vĩ mãng la vĩ mãng la

50.A lị dạ

51.Phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la

52.Nhĩ nẵng ngật-lị sử-noa

53.Nhạ tra mãng cự tra

54.Phộc lam ma bả-la lam ma vĩ lam ma

55.Mãng hạ đồ đà vĩ nễ-dạ đà la

56.Bá la bá la mãng hạ bá la

57.Ma la ma la mãng hạ ma la

58.Tả la tả la mãng hạ tả la

59.Ngột-lị sử-noa vật-lật noa nễ lật già

60.Ngột-lị sử-noa bả khất-sái nê già đá nẵng

61.Hề bả ná-mãng hạ đồ la

62.Tả la tả la nĩnh xá tả lệ thấp-phộc la

63.Ngột-lật sử-noa tát la bả ngật-lị đả dã nhĩ-dụ bả vĩ đa

64.Ế hề hề mãng hạ phộc la hạ mẫu khư

65.Đát-lị bổ la ná hạ nĩnh thấp-phộc la

66.Nẵng la dã noa phộc lộ bả

67.Phộc la mạt nga a lị hề nĩnh la kiến tha hề ma hạ ca la

68.Hạ la hạ la

69.Vĩ sa nê nhĩ đá độ ca tả

70.La nga vĩ sa vĩ nẵng xả nẵng

71.Na-vị sa vĩ sa vĩ nẵng xả nẵng

72.Mộ hạ vĩ sa vĩ nẵng xả nẵng

73.Hộ lỗ hộ lỗ Mãng la hộ lỗ hạ lệ

74.Mãng hạ bả na-mãng nẵng bà

75.Tát la tát la

76.Đồ lị đồ lị

77.Tô lỗ tô lỗ

78.Mẫu lỗ mẫu lỗ

79.Mẫu địa dã mẫu địa dã

80.Mạo đại-dã mạo đại dã

81.Nhĩ đế

82. Nễ la kiến thá ế hê hề ma mãng tư-thể đa đồ-ứng hạ mẫu khư

83.Hạ sa hạ sa

84.Muộn tả muộn tả

85.Mãng hạ tra tra hạ san

86.Ế hề hề mãng hạ tất đà dụ nghệ thấp-phộc la

87.Sa noa sa noa phộc tế

88.Ta đại gia ta đại gia vĩ nễ-diên

89.Đồ mãng la đồ mãng la

90.Chiêm bà nga mãn đan lộ chỉ đa vĩ lộ chỉ đan

91.Lộ kế thấp-phộc lan đát tha nga đan

92.Ná ná ê danh ná lị-xả nẵng

93.Ca mãng tả na-lị xả nan

94.Bả-la cật-la ná gia mãng nẵng sá hạ

95.Tất đà dã sá hạ

96.Mãng hạ tất đà dã sá hạ

97.Mãng hạ tất đà dã sá hạ

98.Tất đà dụ nghệ thấp-phộc la gia sá hạ

99.Nễ la kiến xá gia sá hạ

100.Tát la hạ mẫu khư gia sá hạ

101.Mạng hạ ná la đồ ứng hạ mẫu khư gia sá hạ

102.Tất đà vĩ nễ-dạ đạt la gia sá hạ

103.Bả na-mãng hạ tất-đát gia sá hạ

104.Ngật-lị sử-noa la ba ngật-lị dạ dã nhĩ-dụ bả vĩ đa gia sá hạ

105.Mãng hạ la cự tra đà la gia sá hạ

106.Chiết yết la dữu đà gia sá hạ

107.Thắng khư nhiếp na nễ mạo đà nẵng gia sá hạ

108.Ma mãng tư-kiến đà vị sa tư-thể da

109.Ngật-lị sử-noa nhĩ nẵng gia sá hạ

110.Nhị-dạ khư-la chiết mãng nễ phộc sa nẵng gia sá hạ. Lộ kế thấp-phộc la gia sá hạ

111.Tát ma tất đệ thấp-phộc la gia sá hạ

112.Nẵng mộ bà nga phôc đế a lị-dạ phộc lộ chỉ đế thấp-phộc la gia mạo địa tát đát-phộc gia. Mãng hạ tát đát-phộc gia. Mãng hạ ca lỗ nĩnh ca gia.

113.Tất-điện đổ danh mãn đa-la bả na gia sá hạ.

(THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

1_巧伕全阢氛仲伏

NAMO RÀNTATRAYÀYA

2_ 巧休玅淌

NAMAHÏ ÀRYÀ

3_向吐丁包鄡全伏

VALOKITE'SVARÀYA

4_回囚屹班伏

BODHISATTVÀYA

5_亙扣屹班伏

MAHÀ SATVÀYA

6_亙扣乙冰仗乙伏

MAHÀ KÀRUNÏIKÀYA

7_屹楠向神巧

SARVA BANDHANA

8_琚叨巧 一全伏

CCHEDANA KARÀYA

9_屹楠矛向

SARVA BHAVA

10_屹觜炎 鉏朽仕 一全伏

SAMUDRAMÏ SUKSÏANÏA KARÀYA

11_屹楠防囚

SARVA VYADHI

12_盲在亙巧 一全伏

PRA’SAMANA KARÀYA

13_屹楨 凸抄 矛誂向

SARVE TITYU BHANDRAVA

14_合左在巧 一全伏

VINÀ’SANA KARÀYA

15_屹楠矛份佺

SARVA BHAYE SÏYO

16_氛仕一全伏

TRANÏA KARÀYA

17_凹細 巧亙閊班 玭巧交搜

TASMAI NAMA SKRÏTVÀ INAM ÀRYÀ

18_向吐丁包鄙先 矛如仟 市先入巴

VALOKITE’SVARA BHASÏITAMÏ NIRAKAMÏTÏA

19_左亙 岸叨伏

NÀMA HRÏDAYA

20_亙侶凹 玭塺亦

MABRATA ICCHYAMI

21_屹楔卉屹叻入

SARVÀTHA SADHAKAMÏ

22_圩圳狣元兇

‘SUVAMÏ AJIYAMÏ

23_屹楠穴凹戊

SARVA BHUTANAMÏ

24_矛向 亙絞 合圩益入

BHAVA MARGA VI’SUDDHAKAMÏ

25_凹淦卡

TADYATHÀ

26_溤

OMÏ

27_玅吐了 玅吐一 亙凸

ÀLOKE ÀLOKA MATI

28_吐乙凸咋包旨成刑玅搜

LOKÀTÌ KRAMÏTE HE HARE ÀRYÀ

29_向吐丁包郾先

VALOKITE'SVARA

30_亙扣回囚屹玆

MAHÀ BODHI SATVA

31_旨 回囚屹玆

HE BODHI SATVA

32_旨 亙扣回囚屹玆

HE MAHÀ BODHISATVA

33_旨 合摶回囚屹玆

HE VIRYA BODHISATVA

34_旨 亙扣乙冰仗乙

HE MAHÀ KÀRUNÏIKÀ

35_紮先 岸叨兇

SMÌRA HRÏDAYAMÏ

36_扛扛 成刑 玅淘

HI HI KARE ÀRYÀ

37_向吐丁包郾先

LOKITE’SVARA

38_亙旨郾先

MAHE’SVARA

39_扔先亙氛才柰

PARA MATRA CITTA

40_亙扣 乙冰仗乙

MAHÀ KARUNÏIKÀ

41_乃冰乃冰 一搽 屹叻伏 屹叻伏

KURU KURU KARMAMÏ SADHAYA SADHAYA

42_合撅

VIDDHYAMÏ

43_仗旨仗旨凹向劣

NÏIHE NÏIHE TAVARAMÏ

44_一伐 丫亙

KAMAMÏ GAMA

45_合丫亙 帆益 仰乞郾先

VIGAMA SIDDHA YUGE’SVARA

46_鉡冰鉡冰 合伏市

DHURU DHURU VIYANTI

47_亙扣合伏市

MAHÀ VIYANTI

48_叻先叻先 叻刑 珌慓鄎先

DHARA DHARA DHARE IDRE’SVARA

49_弋匡弋匡 合亙匡 亙先

CALA CALA VIMALA MARA

50_玅搜

ÀRYÀ

51_向吐丁包鄎先

VALOKITE’SVARA

52_元巧邟榬

JINA KRÏSÏNÏI

53_介幻 亙乃巴

JATÏÀ MAKUTÏA

54_向劣亙 盲劣亙 合劣亙

VARAMÏMA PRARAMÏMA VIRAMÏMA

55_亙扣 帆益 合改叻先

MAHÀ SIDDHA VIDYA DHARA

56_向先 向先 亙扣向先

BARA BARA MAHA ABARA

57_向匡 向匡 亙扣向匡

VALA VALA MAHA AVALA

58_弋先 弋先 亙扣弋先

CARA CARA MAHA ACARA

59_邡榬 宕仕 叵睪

KRÏSÏNÏI VRÏNÏA DÌRGHA

60_邡榬 扔朽 叵睪凹巧

KRÏSÏNÏI PAKSÏA DÌRGHATANA

61_旨 扔痱成肴

HE PADMA HASTI

62_弋先 弋先 司在 弋同鄗先

CARA CARA DI'SA CALE'SVARA

63_邡榬 屹先 扔邡凹伏 吝扔合凹

KRÏSÏNÏI SARA PAKRÏTAYA JYOPAVITA

64_琉鉒旨 亙扣 向先成 觜几

EHYEHI MAHÀ VARAHA MUKHA

65_注幫先 叨成弁鄗先

TRIPÙRA DAHANE’SVARA

66_巧先伏仕 向冰扔

NARAYANÏA VARUPA

67_向先 亙絞 狣共 旨 市先入巴 旨 亙扣乙先

VARA MARGA ARI HE NIRAKAMÏTÏA HE MAHÀ KÀRA

68_成先 成先

HARA HARA

69_合好 市蛛凹 吐一兩

VISÏA NIRJITA LOKA SYA

70_全丫 合好 合左在巧

RÀGA VISÏA VINÀ’SANA

71_盎好 合好 合左在巧

DVISÏA VISÏA VINÀ’SANA

72_觜成 合好 合左在巧

MUHA VISÏA VINÀ’SANA

73_鄋吉 鄋吉 亙先 鄋吉 成同

HULU HULU MARA HULU HALE

74_亙扣 扔痱 左矛

MAHÀ PADMA NÀBHA

75_屹先 屹先

SARA SARA

76_帆共 帆共

SIRI SIRI

77_鉏冰 鉏冰

SURU SURU

78_觜冰 觜冰

MURU MURU

79_后隶 后隶

BUDDHYA BHUDDYA

80_回益伏 回益伏

BODDHAYA BODDHAYA

81_伊包

MAITE

82_市先入巴 琉鉒旨 亙亙 芵凹 墇成 觜几

NIRAKAMÏTÏA EHYEHY MAMA STHITA SYIMÏHA MUKHA

83_成屹 成屹

HASA HASA

84_彈弋 彈弋

MUMÏCA MUMÏCA

85_亙扣 幻巴 成戌

MAHÀ TÏÀTÏA HASAMÏ

86_琉鈺旨 正 亙扣 帆益 仰乞鄗先

EHYEHY PAMÏ MAHÀ SIDDHA YUGE ‘SVARA

87_屹仕 屹仕 名中

SANÏA SANÏA VÀCE

88_屹叻伏 屹叻伏 合撅

SADHAYA SADHAYA VIDDHYAMÏ

89_紮先 統先

SMÌRA SMÌRA

90_奸 矛丫圳 仟 吐丁凹 合吐丁仟

‘SAMÏ BHAGAVAMÏ TAMÏ LOKITA VILOKITAMÏ

91_吐了鄗劣 凹卡丫凹

LOKE’SVARAMÏ TATHÀGATA

92_叨叼旨伙 叨瞥巧

DADÀHEME DAR’SANA

93_一亙兩 叨瞥戊

KAMA SYA DAR’SANAMÏ

94_盲咒叨伏 亙巧 送扣

PRAKRADAYA MANA SVÀHÀ

95_帆盍伏 送扣

SIDDHÀYA SVÀHÀ

96_亙扣 帆盍伏 送扣

MAHÀ SIDDHÀYA SVÀHÀ

97_亙扣 帆盍伏 送扣

MAHÀ SIDDHÀYA SVÀHÀ

98_帆盍 仰乞鄗先伏 送扣

SIDDHÀ YUGE ‘SVARA SVÀHÀ

99_市先入巴伏 送扣

NIRAKAMÏTÏAYA SVÀHÀ

100_向全成 觜刀伏 送扣

VARÀHA MUKHÀYA SVÀHÀ

101_亙扣 叨先 墇成 觜几伏 送扣

MAHÀ DARA SYIMÏHA MUKHAYA SVÀHÀ

102_帆益 合隸 叻先伏 送扣

SIDDHA VIDDHAYA DHARAYA SVÀHÀ

103_扔痱 成紅伏 送扣

PADMA HASTAYA SVÀHÀ

104_邡榱 屹塑 邡杞伏 吝扔合凹伏 送扣

KRÏSÏNÏI SARPA KRÏDHYAYA JYOPAVITAYA SVÀHÀ

105_亙扣 匡邡巴 叻全伏 送扣

MAHÀ LAKUTÏA DHARÀYA SVÀHÀ

106_弋咒 仰叻伏 送扣

CAKRA YUDHAYA SVÀHÀ

107_在圣 在芩市 回益左伏 送扣

‘SANKHA ‘SABDANI BODDHANÀYA SVÀHÀ

108_亙亙 弼誂 合好 荸凹

MAMA SKANDRA VISÏA STHITA

109_邡榱 元左伏 送扣

KRÏSÏNÏI JINÀYA SVÀHÀ

110_阮姗 弋亙市 向屹左伏 送扣_吐了郾全伏 送扣

VYÀGHRA CAMANI VASANÀYA SVÀHÀ – LOKE’SVARÀYA SVÀHÀ

111_屹楠 帆眨郾先伏 送扣

SARVA SIDDHE‘SVARAYA SVÀHÀ

112_巧伕 矛丫向包 玅搜向吐丁包郾全伏 回囚屹班 亙扣屹班伏 亙扣乙刎仗乙伏

NAMO BHAGAVATE ÀRYÀVALOKITE'SVARÀYA - BODDHISATTVÀYA MAHÀ SATVÀYA - MAHÀ KÀRONÏIKÀYA

113_帆隸嚩 伙 向儦 扔叼伏 送扣

SIDDHYANTU ME VANTRA PADÀYA SVÀHÀ

01/04/1997

---o0o---

Mật Tạng Bộ 3_ No.1064 (Tr.115_ Tr.119)

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI

Hán dịch : Đời Đường_ Tam Tạng Sa Môn Đại Quảng Trí BẤT KHÔNG

Việt dịch : HUYỀN THANH

Phục hồi Phạn Chú : HUYỀN THANH

Cúi lậy Quán Âm Đại Bi Chủ

Nguyện lực rộng sâu thân tướng đẹp

Ngàn tay trang nghiêm hộ trì khắp

Ngàn mắt quang minh chiếu mọi nơi

Trong lời chân thật diễn MẬT NGỮ

Trong Tâm Vô Vi khởi TÂM BI

Mau khiến đầy đủ các nguyện cầu

Vĩnh viễn diệt trừ các Nghiệp Tội

Trời, Rồng, Chúng Thánh đồng TỪ HỘ

Trăm ngàn Tam Muội đều Huân Tu

Thân Thọ Trì là Phướng Quang Minh

Tâm Thọ Trì là Tạng Thần Thông

Rửa sạch trần lao qua biển khổ

Mau chứng Bồ Đề, môn phương tiện

Nay con xưng tụng, thệ Quy Y

Nguyện ước theo Tâm , mau viên mãn

_ Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau biết tất cả Pháp

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được mắt Trí Tuệ

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau độ tất cả Chúng

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được phương tiện khéo

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau ngồi thuyền Bát Nhã

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm được qua biển khổ

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau được Đạo Giới Định

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm lên núi Niết Bàn

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con mau gặp nhà Vô Vi

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm

Nguyện con sớm đồng Thân Pháp Tính

_ Nếu con hướng non Đao

Non Đao tự sụp đổ

Nếu hướng lửa, nước sôi

Nước khô, lửa tự tắt

Nếu con hướng Địa Ngục

Địa Ngục mau tiêu diệt

Nếu con hướng Ngã Quỷ

Quỷ đói liền no đủ

Nếu con hướng Tu La

Tâm ác tự điều phục

Nếu con hướng Súc Sinh

Chúng được Trí Tuệ lớn

Phát nguyện đó xong, chí tâm xưng niệm danh tự của TA, cũng nên chuyên niệm Bản Sư của Ta là Đức A DI ĐÀ Như Lai. Sau đó liền nên tụng ĐÀ LA NI THẦN CHÚ này . Một đêm (hay một hạn định) tụng đủ 5 biến sẽ trừ diệt được tội nặng sinh tử nơi trăm ngàn vạn ức kiếp đã có trong thân

" Nam mô A DI ĐÀ Như Lai

Nam mô QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát Ma Ha Tát "

_ Quán Thế Âm Bồ Tát lại bạch với Đức Phật rằng :" Thế Tôn ! Nếu các hàng Trời, Người tụng trì ĐẠI BI CHƯƠNG CÚ thì lúc mệnh chung , chư Phật mười phương đều đến trao tay. Muốn sinh về cõi Phật nào thì tùy nguyện đều được vãng sinh "

_ Lại bạch Phật rằng :" Thế Tôn ! Nếu có chúng sinh nào tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ mà bị đọa vào 3 nẻo ác thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ , nếu chẳng sinh về các cõi Phật thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ, nếu Tâm chẳng được vô lượng Tam Muội Biện Tài thì con thề chẳng thành Chính Giác

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ ở trong đời hiện tại, nếu tất cả sự mong ước chẳng được thành quả thì (Bài Chú này)chẳng xứng đáng với tên gọi là ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI. Chỉ trừ kẻ Bất thiện chẳng có tâm chí thành

Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn được thành nam tử. Tụng trì ĐẠI BI ĐÀ LA NI CHƯƠNG CÚ mà chẳng chuyển thân nữ thành thân nam thì con thề chẳng thành Chính Giác. Chỉ trừ kẻ nào sinh chút tâm nghi ngờ ắt chẳng được quả vừa ý

Nếu các chúng sinh xâm phạm làm tổn hại tài vật , thức ăn uống của THƯỜNG TRỤ ắt Ngàn Đức Phật ra đời cũng chẳng thể thông sám hối , giả

sử có hay sám hối thì cũng chẳng trừ diệt tội đó được. Nhưng nếu ngày nay tụng ĐẠI BI THẦN CHÚ ắt liền được trừ diệt mọi tội

Nếu xâm phạm làm tổn hại, ăn, dùng : tài vật , thức ăn uống của THƯỜNG TRỤ . Cần yếu là đối trước vị THẦY ở mười phương sám hối xong thì bắt đầu trừ diệt. Nay tụng ĐẠI BI ĐÀ LA NI thì chư Phật mười phương liền đến vì người đó mà tác chứng minh, ắt tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt. Tất cả nghiệp ác, tội nặng như : 10 Ác, 5 Nghịch, phỉ báng người, phỉ báng Pháp, phá Tế, phá Giới, phá Tháp, hủy hoại Chùa, trộm cướp của Tăng Kỳ, làm ô nhiễm người Phạm Hạnh, cưỡng bức người trong sạch… đều được trừ diệt hết. Ngoại trừ một điều là đối với chúng sinh có tâm nghi mgờ thì cho dù tội nhỏ, nghiệp nhẹ cũng chẳng diệt được huống chi là tội nặng. Có điều tuy chẳng diệt ngay tội nặng nhưng do nhân này ắt sẽ mau gieo được NHÂN BỒ ĐỀ

_ Lại bạch Phật rằng :” Thế Tôn ! Nếu có hàng Trời , Người tụng trì ĐẠI BI TÂM CHÚ này sẽ được 15 loại Thiện Sinh, chẳng bị 15 loại Ác Tử (chết ác)

15 loại ÁC TỬ chẳng bị vướng là :

1) Chẳng để cho người ấy bị chết khổ vì nhân đói khát

2) Chẳng bị chết về gông cùm, gậy gộc, cấm đoán

3) Chẳng bị chết bởi oan gia đối địch

4) Chẳng bị chết vì quân trận chém giết

5) Chẳng bị chết vì cọp, sói, thú ác hãm hại

6) Chẳng bị chết vì rắn độc, rắn rít cắn trúng

7) Chẳng bị chết vì lửa thiêu, nước cuốn

8) Chẳng bị chết vì trúng thuốc độc

9) Chẳng bị chết vì Trùng độc làm hại

10) Chẳng bị chết vì điên loạn mất trí

11) Chẳng bị chết vì té rớt nơi cây cao, vách núi

12) Chẳng bị chết vì Yểm Mỵ của người ác

13) Chẳng bị chết vì Tà Thần, Quỷ ác hãm hại

14) Chẳng bị chết vì thân bệnh hoạn

15) Chẳng bị chết vì chẳng đúng phần mà tự hại

Người tụng trì ĐẠI BI THẦN CHÚ này chẳng bị chết vì 15 thứ ÁC TỬ như vậy đồng thời được 15 loại Thiên Sinh là :

1) Nơi sinh ra thường gặp vị vua hiền

2) Thường sinh ở đất nước hiền lành

3) Thường gặp thời tốt

4) Thường gặp bạn lành

5) Thường được đầy đủ thân căn

6) Tâm Đạo thuần thục

7) Chẳng phạm Cấm Giới

8) Có được quyến thuộc nhân nghĩa hòa thuận

9) Vận dụng tiền của thường được đầy đủ

10) Được người khác cung kính giúp đỡ

11) Bao nhiêu tài vật có được không bị người khác cướp đoạt

12) Ý mong cầu đều được toại nguyện

13) Trời, Rồng, Thiện Thần luôn luôn ủng hộ

14) Nơi sinh ra được gặp Phật nghe Pháp

15) Bao nhiêu Chính Pháp nghe được đều ngộ nghĩa Thâm Sâu

Nếu có người tụng trì ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI sẽ được 15 loại THIỆN SINH như vậy cho nên tất cả Trời, Người hãy thường tụng trì đừng sinh lười biếng “

Quán Thế Âm Bồ Tát nói lời đó xong, Ở trước Chúng Hội, chắp tay đứng thẳng , khởi Tâm Đại Bi đối với chúng rồi rồi nở dung mạo mỉm cười, liền nói QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI THẦN DIỆU CHƯƠNG CÚ như vậy

Đà La Ni là :

1) 巧伕 先寒氛仲伏

Nam mô hạt la đát ná đá la dạ gia

* NAMO RATNATRAYÀYA

Đây là Bản Thân Quán Thế Âm Bồ Tát Đại Từ Đại Bi, dùng Tâm đọc tụng, đừng cao giọng mà Thần Tính ẩn mất

2) 巧休 玅淘

Nam mô a lị gia

* NAMAHÏ ÀRYA

Đây là Bản Thân Như Ý Luân Bồ Tát. Đến đây nên giữ gìn Tâm

3) 向吐丁包郾全伏

Bà lô yết đế thước bát la gia

* AVALOKITE’SVARÀYA

Đây là Bản Thân TRÌ BÁT QUÁN THẾ ÂM Bồ Tát . Nếu muốn lấy xương cốt Xá Lợi. Tụng đây, giữ gìn ý, tưởng Bồ Tát cầm cái bát

4) 回囚 屹班伏

Bồ đề tát đỏa bà gia

* BODHISATVÀYA

Đây là Bất Không Quyến Sách Bồ Tát, áp lĩnh đại binh

5) 亙扣 屹班伏

Ma ha tát đỏa bà gia

* MAHÀ SATVÀYA

Đây là Chủng Tử của Bồ Tát. Tự tụng Bản Thân của Chú vậy

6) 亙扣 乙冰仗 乙伏

Ma ha ca lô ni ca gia

* MAHÀ KÀRUNÏIKÀYA

Đây là Bản Thân Mã Đầu Bồ Tát, tay cầm Bạt Chiết La

7) 凋

Án

* OMÏ

Chữ ÁN này là các Quỷ Thần chắp tay chân thành tụng Chú

8) 屹楠 先矛份

Tát bà la phạt duệ

* SARVA RABHAYEI

Đây là Bản Thân 4 Đại Thiên Vương giáng Ma

9) 圩益 左叨併

Số đát na đát tả

* ‘SUDHANÀDASÏYA

Đây là danh tự của Bộ Lạc Quỷ Thần thuộc 4 Đại Thiên Vương

10) 巧亙閜玆 玭伐 玅淘

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a lị gia

* NAMA SKRÏTVAN IMAMÏ ÀRYA

Đây là Bản Thân Long Thọ Bồ Tát. Tâm tụng đây đừng gấp mà tính Bồ Tát ẩn đi

11) 向吐丁包鄡先 吋凹矛

Bà lô cát đế thất phật ra lăng đà bà

AVALOKITE’SVARA LAMÏTABHA

Đây là Viên Mãn Báo Thân Lô Xá Na Phật

12) 巧伕 布匡一杕

Nam mô na la cẩn trì

* NAMO NÌLAKANÏTÏHA

Đây là Bản Thân Thanh Tĩnh Pháp Thân Tỳ Lô Xá Na Phật. Rất cần dụng Tâm

13) 岩 亙扣 扔凹在亦

Hê lị ma ha bàn đá sa mế

* HRÏ MAHÀ PATA'SAMI

Đây là Dương Đầu Thần Vương (Vị Thần đầu Dê) cộng với các Thiên Ma làm quyến thuộc

14) 屹楞卉 掮 圩瓦

Tát bà a tha, đậu thâu bằng

* SARVÀTHA DU 'SUPHAMÏ

Đây là Cam Lộ Bồ Tát cũng là Bộ Lạc của Quán Thế Âm Bồ Tát dùng làm Quyến Thuộc

15) 狣元兇

A thệ dựng

* AJIYAMÏ

Đây là Phi Đẳng Dạ Xoa Thiên Vương xem xét điều thị phi ở 4 phương

16) 屹楠 屹玆 巧亙 矛丫

Tát bà tát đá na ma bà già

* SARVA SATVA NAMA BHAGA

Đây là Bà Giá Đế Thần Vương dùng da Hươu làm quần

17) 交 矢凸 掮

Ma phạt đặc đậu

* MÀ BHÀTI DU

Đây là Bản Thân Quân Trà Lợi Bồ Tát có 3 con mắt

18) 凹淯卡

Đát điệt tha

* TADYATHÀ

Đây là Kiếm Ngữ

19) 凋 狣向吐丁

Án , A bà lô hê

* OMÏ_ AVALOKI

20) 吐一包

Lô ca đế

* LOKATE

Đây là Bản Thân Đại Phạm Thiên Vương có Thần Tiên làm Bộ Lạc

21) 一匡凸

Ca la đế

* KALATI

Đây là Đế Thần có thân dài lớn màu đen

22) 珂 旨豤

Di hê lị

* I HELIHÏ

Đây là Tam Thập Tam Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên Thần thống lĩnh Thiên Binh có thân màu xanh

23) 亙扣 回囚屹玆

Ma ha bồ đề tát đỏa

* MAHÀ BODHISATVA

Đây là CHÂN TÂM , tức không có tâm tán loạn, liền gọi là Tát Đỏa

24) 屹楠 屹楠

Tát bà tát bà

* SARVA SARVA

Đây là Hương Tích Bồ Tát áp lỉnh làm tùy tòng chẳng thể tư nghị

25) 亙匡 亙匡

Ma la ma la

* MALA MALA

Đây là Bồ Tát cùng lời tụng liền làm cứu tế

26) 亙并 亙并 岸叨兇

Ma hê ma hê lị đà dựng

* MA’SÌ MA’SÌ HRÏDAYAMÏ

(Giống như câu trên)

27) 乃冰 乃冰 一搽

Câu lô câu lô yết mông

* KURU KURU KARMAMÏ

Đây là Không Thân Bồ Tát áp lĩnh 20 vạn ức Thiên Binh

28) 加冰 加冰 矛如 伏凸

Độ lô độ lô phạt xà gia đế

* TURU TURU BHASÏIYATI

Đây là Bát Nhã Bồ Tát , Phong Vương (Ong chúa) biến binh

29) 亙扣 矛如 伏凸

Ma ha phạt xà gia đế

* MAHÀ BHASÏIYATI

(Giống như câu trước)

30) 四先 四先

Đà la đà la

* DHÀRA DHÀRA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát hiển thân Đại Trượng Phu

31) 囚共仗

Địa lị ni

* DHIRINÏI

Đây là Sư Tử Vương Binh, đọc tụng linh nghiệm

32) 珂郾全伏

Thất phật la gia

* I‘SVARÀYA

Đây lá Tích Lịch Bồ Tát giáng phục Quyến Thuộc của các Ma

33) 弋匡 弋匡

Giá la giá la

* CALA CALA

Đây là Bản Thân Tồi Toái Bồ Tát, tay câm Kim Cương

34) 亙亙

Ma ma

* MAMA

Con, họ tên… thọ trì

合亙匡

VIMALA

Đây là Bản Thân Đại Hàng Ma Kim Cương cầm bánh xe Kim Cương (Kim Cương Luân)

35) 觜嫽

Mục đế lệ

* MUKTE

Đây là chư Phật chắp tay chân thành tụng Chân Ngôn

36) 琉鉒扛

Y hê di hê

* EDHYEHI

Đây là Ma Hê Thủ La Thiên Vương

37) 圬巧 圬巧

Thất na thất na

* ‘SINA ‘SINA

Giống như câu trước

38) 狣先如 矛匡 在共

A la sâm phạt la xá lợi

* ARA’SIMÏ BHALA ’SARI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát cầm cung tên Tỷ Noa

39) 矛她 矛如

Phạt xa phạt sâm

* BHA’SÀ BHA’SIMÏ

Giống như câu trước

40) 矛先 在伏

Phạt la xá gia

* BHARA ’SAYA

Đây là Bản Thân A Di Đà Phật , Sư Chủ của Quán Thế Âm Bồ Tát

41) 鄋吉 鄋吉 渨

Hô lô hô lô ma la

*) HULU HULU PRA

Đây là Tám Bộ Quỷ ThầnVương

42) 鄭吉 鄭吉 潦

Hô lô hô lô hê lị

* HULU HULU ‘SRÌ

Giống như câu trên

43) 屹先 屹先

Sa la sa la

* SARA SARA

Đây là cõi có 5 uế ác

44) 帆共 帆共

Tất lị tất lị

* SIRI SIRI

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát lợi ích cho Chúng Sinh chẳng thể tư nghị

45) 鉏冰 鉏冰

Tô rô tô rô

* SURU SURU

Đây là lá cây rơi của chư Phật

46) 后囚伏 后囚伏

Bồ đề dạ, bồ đề dạ

* BUDHIYA BUDHIYA

Đây là Quán Thế Âm Bồ Tát kết duyên với Chúng Sinh

47) 后盍伏 后盍伏

Bồ đà dạ, bồ đà dạ

* BUDDHÀYA BUDDHÀYA

Đây là Bản Thân A Nan

48) 伊注伏

Di đế lị dạ

* MAITRIYE

Đây là Đại Xa Bồ Tát, tay cầm cây đao vàng (Kim Đao)

49) 布匡一朷

Na la cẩn trì

* NÌLAKANÏTÏHA

Đây là Long Thọ Bồ Tát , tay cầm cây Đao vàng

50) 注在先仕

Tha lị sắt ni na

* TRI’SARANÏA

Đây là Bảo Tràng Bồ Tát cầm cây Thiết Xoa

51) 狣矛伏 亙仕

Bà dạ ma na

* ABHAYA MANÏA

Đây là Kim Cương Tràng Bồ Tát cầm cái chày Bạt Chiết La

52) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

53) 帆盎伏

Tất đà dạ

* SIDDHIYA

Đây là đạt tất cả Pháp Môn

54) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

55) 亙扣　帆盎伏

Ma ha tất đà dạ

* MAHÀ SIDDHIYA

Đây là Tán Quang Bồ Tát , tay cầm cây phướng đỏ

56) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

57) 帆盍　伋丫

Tất đà dụ nghệ

* SIDDHÀ YOGA

Đây là hết cả Chư Thiên Bồ Tát dùng tụ họp, tay cầm cây Đao vàng

58) 珂郾全伏

Thất bàn la dạ

* I‘SVARÀYA

Đây là An Tức Hương

59) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

60) 布匡一枋

Na la cẩn trì

* NÌLA KANÏTÏHI

Bản Thân Tiên Hải Tuệ Bồ Tát, tay cầm cây Kiếm vàng

61) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

62) 渨向全成　觜刀伏

Ma la ma la

* PRAVARÀHA MUKHÀYA

Đây là Bảo Ấn Vương Bồ Tát , tay cầm cây Búa vàng

63) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

64) 潦 鳭成 觜刀伏

Tất la tăng a mục khư gia

* ‘SRÌ SIMÏHA MUKHÀYA

Đây là Bản Thân Dược Vương Bồ Tát , hành trị các bệnh

65) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

66) 屹楠 亙扣 觜榮伏

Sa bà ma ha a tất đà dạ

* SARVA MAHÀ MUKTÀYA

Đây là Bản Thân Dược Thượng Bồ Tát,hành trị các bệnh

67) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

68) 弋咆 仰四伏

Giả cát la a tất đà dạ

* CAKRÀ YUDHÀYA

Đồng thanh

69) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

70) 扔痧   成紅伏

Ba đà ma yết tất đà dạ

* PADMA HASTAYA

Đồng thanh

71) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

72) 布匡一杕 在全介

Na la cẩn trì bàn già la dạ

* NÌLAKANÏTÏHA ‘SAKHARÀJA

73) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

74) 交 向共 在咄全伏

Ma bà lị thắng yết la dạ

* MÀ VARI ‘SANKARÀYA

75) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

76) 巧伕 先寒氛仲伏

Nam mô hạt la đát na đá la dạ gia

* NAMO RATNATRAYÀYA

77) 巧休 玅淘

Nam mô a lị gia

* NAMAHÏ ÀRYA

78) 向吐丁凹

Bà lô cát đế

* AVALOKITA

79) 珂郾全伏

Thước bà la dạ

* I’SVARÀYA

80) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

81) 軶 帆盎 伏嗎

Aùn, Tất điện đô

* OMÏ SIDHYANTU

82) 亙儦

Mạn đá la

* MANTRA

83) 扔叼伏

Bạt đà gia

* PADÀYA

84) 送扣

Sa bà ha

* SVÀHÀ

_ Nếu muốn tất cả Hữu Tình đang bị đói khát và các Quỷ đói được mát mẻ trong lành thì nên cầu ở tay Cam Lộ . Chân Ngôn là :

“ Án_ Tố lô tố lô, bát la tố lô, bát la tố lô, tố lô, tố lô dã_ sa-phộc ha “

軶 鉏冰 鉏冰 浥鉏冰 浥鉏冰 鉏冰 鉏冰伏 送扣

* OMÏ_ SURU SURU PRASURU PRASURU SURU SURUYA_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn trừ sự sợ hãi chẳng yên ở tất cả thời , tất cả nơi thì nên cầu nơi tay Thí Vô Úy . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la nẵng dã, hồng phán tra “

軫　向忝左伏 狫　民誆

* OMÏ_ VAJRA NÀYA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu người bị mắt mờ không có ánh sáng thì nên cầu nơi tay Nhật Tinh Ma Ni . Chân Ngôn là :

“ Án_ Độ tỷ ca dã, độ tỷ , bát la phộc lị nãnh_ Tát-phộc hạ “

　　軫　鉡本乙伏　鉡本　盲向隊　送扣

* OMÏ_ DHUPE KÀYA, DHUPE PRAVARNÏA _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn trị bệnh Nhiệt Độc mà cầu sự mát mẻ thì nên cầu nơi tay Nguyệt Tinh Ma Ni . Chân Ngôn là :

湡　鉏帆盎　一共　送扣

“ Án_ Tô tất địa yết lị _ Tát-phộc hạ “

* OMÏ_ SUSIDDHI KARI_ SVÀHÀ

_ Nếu vì thăng Quan tiến chức , cầu mong Quan Vị thì nên cầu nơi tay Bảo Cung (Cây Cung báu) . Chân Ngôn là :

“ Án _ a tả vĩ lệ _ Tát-phộc hạ “

湡 狣猌 吃刑　送扣

* OMÏ_ ACCHA VÌRE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn sớm gặp bạn lành thì nên cầu nơi tay Bảo Tiễn (Mũi tên báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Ca ma la_ Tát-phộc hạ “

凋　一亙匡　送扣

* OMÏ_ KAMALA_ SVÀHÀ

_ Nếu mong cầu sinh lên các Trời Phạm Thiên thì nên cầu nơi tay Quân Trì Bình . Chân Ngôn là :

“Án_ Phộc nhật la thế khư la lỗ tra hàm tra “

輅　向忝 圬几先　先誑　亙誑

* OMÏ_ VAJRA ‘SIKHARA RATÏ MATÏ

_ Nếu muốn trừ mọi thứ bệnh nạn trên thân thì cầu nơi tay Dương Liễu Chi . Chân Ngôn là :

“ Án _ Tô tất địa ca lị, phộc lị đá nẵm, đá mục đá duệ, phộc nhật la phộc nhật la, bạn đà hạ nẵng , hồng phán tra “

凋　鉏帆盎一共　向勤觡　屹觜榮份　　向忝　向忝向神　成巧　成巧狣　民誑

* OMÏ_ SUSIDDHI KARI, VARDHANÀMÏ SAMUKTÀYE VAJRA, VAJRA BANDHA , HANA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn diệt trừ tất cả chướng nạn ác thì nên cầu nơi tay Bạch Phất . Chân Ngôn là :

“ Án_ Bát ná nhĩ ninh bà nga phộc đế, mô hạ dã, nhạ nga mô hạ ninh_ Tát-phộc hạ “

凋　扔 市　矛丫向凸　伕成伏　伕成伏　介丫伕成市 送扣

* OMÏ_ PADMINÏI BHAGAVATE MOHAYA JAG AMOHANI_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn tất cả Quyến Thuộc khéo hòa hợp thì nên cầu nơi tay Hồ Bình . Chân Ngôn là :

“ Án_ Yết lệ thảm mãn diệm_ Tát-phộc hạ “

凋　一共　屹亙兇　溷扣

* OMÏ_ KARI SAMAYAMÏ_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn tịch trừ tất cả cọp, sói, các loài thú ác thì nên cầu nơi tay Bàng Bài . Chân Ngôn là :

“ Án _ Dược các sam nẵng na dã , chiến nại la đạt nậu , bá lị dã bá xả , bả xá_ Tát-phộc hạ “

凋　伏汙　左叼伏　弋汔先　四平　扔共伏扒在 扒在　送扣

* OMÏ_YAKSÏAMÏ NÀDAYA CANÏDÏARA DHÀNU PÀRIYA PA’SA PA’SA _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn ở tất cả thời, tất cả nơi xa lìa Quan nạn thì nên cầu nơi tay Việt Phủ (Cây Búa lớn) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vị la dã , vị la dã _ Tát-phộc hạ “

凋　吃先伏　吃先伏　送扣

* OMÏ_ VÌRAYA VÌRAYA_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn sai khiến tất cả Quỷ Thần chẳng dám chống trái thì nên cầu nơi tay Độc Lâu Trượng (Cây gậy đầu lâu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Độ nẵng phộc nhật la hách “

凋　鉡巧　向忝　有

* OMÏ_ DHUNA VAJRA HAHÏ

_ Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến trao tay thì nên cầu nơi tay Sổ Châu . Chân Ngôn là :

“ Nẵng mô la đát nẵng đát la dạ dã_ Án_ A na bà đế, vĩ nhạ duệ, tất đà , tất đà lật thế_ Tát-phộc hạ “

巧伕　先寒氛仲伏　湡 狣巧 向凸 甩介份 帆益 帆盍飲 送扣

* NAMO RATNATRAYÀYA_OMÏ_ ANA VATI, VIJAYE SIDDHA, SIDDHÀRTHE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn giáng phục tất cả Vọng Lượng Quỷ Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Kiếm (cây kiếm báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Đế thế đế nhạ , đỗ vĩ, ninh đỗ đề, ba đà dã, hồng phán tra “

湡　包兮　包介　鉡合　市鉡凸　　州叻伏　狣　民誑

* OMÏ_ TEJE TEJA DHUVI NIDHUTI SÀDHAYA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn tồi phục tất cả oán đối thù địch , nên cầu nơi tay Kim Cương Xử . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la kỳ nãnh , bát la nễ bát đa dã_Tát-phộc hạ “

湡　向忝 狣蚱 盲叵掜伏　送扣

* OMÏ_ VAJRA AGNI PRADÌPTAYA _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn Thiện Thần, Long Vương thường đến ủng hộ thì nên cầu nơi tay Câu Chi Thiết Câu . Chân Ngôn là :

“Án_ A cốt lệ la ca la tỳ sa duệ , nẵng mô,tát-phộc hạ “

湡 狣呢叻 乙先 合好份 巧伕 送扣

* OMÏ_ AKRODHA KÀRA VISÏAYE NAMO_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn vì Từ Bi muốn che giúp tất cả Chúng Sinh thì nên cầu nơi tay Thiết Trượng . Chân Ngôn là :

“ Án_ Na lật trí, na lật trí, na lật tra bát đề, na lật đế ná dạ bát ninh, hồng phấn tra”

湡　坲廿　坲廿　坲巴扔凸　坲忸扒仗 狢　民誑

* OMÏ_ NRÏTÏI NRÏTÏI NRÏTÏAPATI NRÏTYAPANÏI HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn cầu mọi loại Công Đức thì nên cầu nơi tay Bạch Liên Hoa (Hoa Sen trắng) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la vi la dã_ Tát-Phộc hạ “

湡　向忝 吃先伏　送扣

* OMÏ_ VAJRA VÌRAYA_ SVÀHÀ

_ Nếu mong cầu sinh về 10 phương Tĩnh Thổ thì nên cầu nơi tay Thanh Liên Hoa . (Hoa Sen xanh). Chân Ngôn là :

“ Án_ chỉ lị chỉ lị, phộc nhật la bộ la ban đà, hồng phán tra “

湡　一印　一印　向忝　穴楠神　狢　民誑

* OMÏ_ KILI KILI , VAJRA BHÙR BANDHA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn diện kiến tất cả 10 phương chư Phật thì nên cầu nơi tay Tử Liên Hoa (Hoa Sen tím) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Tát la tát la , phộc nhật la ca la, hồng phán tra “

湡　屹先　屹先　向忝乙全　　狢　民誑

* OMÏ_ SARA SARA VAJRA KÀRÀ HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu mong cầu sinh về các Cung Trời thì nên cầu nơi tay Hồng Liên Hoa (Hoa Sen hồng). Chân Ngôn là :

“ Án_ Thương yết lệ_ Tát-phộc hạ “

凋　戌一刑　送扣

* OMÏ_ SAMÏKARE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn thành tựu Trí Tuệ rộng lớn thì nên cầu nơi tay Bảo Kính (cái gương báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát phổ la na la các xoa, phộc nhật la man trà la, hồng phán tra “

凋　合瓟先治朽　向忝　亙汔匡　狣　民誑

* OMÏ_ VISPHURAD RAKSÏA VAJRA MANÏDÏALA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn thành tựu miệng nói , biện luận hay khéo thì nên cầu nơi tay Bảo Ấn . Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la nãnh đảm nhạ duệ _ Tát-phộc hạ “

凋　向忝　元仟 介份 送扣

* OMÏ_ VAJRA JITAMÏ JAYE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký thì nên cầu nơi tay Đỉnh Thượng Hóa Phật . Chân Ngôn là :

“Án_ Phộc Nhật la vĩ phộc nhật lãm nghệ,tát-phộc hạ“

凋　向忝　　向怪乞　送扣

* OMÏ_ VAJRA VIHÏ , VAJRAMÏGE _ SVÀHÀ

_ Nếu muốn khiến cho tất cả Quỷ ,Thần, Rồng, Rắn, Cọp ,Sói Sư Tử, Người, Phi Nhân thường cung kính yêu nhớ nhau thì nên cầu nơi tay Hợp Chưởng . Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát la, vĩ tát la, hồng phán tra “

湡　合屹先　合屹先　狣　民誑

* OMÏ_ VISARA VISARA HÙMÏ PHATÏ

(Thiên Thủ Kinh ghi nhận câu Chú khác là :

“ Án_ Bát nạp nhạ lăng hất lị “

湡 扔痱 介銃 豫

OMÏ_ PADMA JALIMÏ_ HRÌHÏ)

_ Nếu mong cầu mọi loại kho tàng trong lòng đất thì nên cầu nơi tay Bảo Khiếp (cái rương báu) . ChânNgôn là :

“ Án_ Phộc nhật la bá thiết ca lị yết nẵng hàm la hồng “

湡　向忝　扒多一共　一巧一交匡　狣

* OMÏ_ VAJRAPÀ’SE KARI KANAKAMÀLÀ HÙMÏ

_ Nếu muốn mau thành tựu Tiên Đạo thì nên cầu nơi tay Ngũ Sắc Vân (đám mây năm màu). Chân Ngôn là :

“ Án_ Phộc nhật la ca lị la tra hàm tra “

軮　向忝一共　先誑　亙誑

* OMÏ_ VAJRA KARI RATÏ MATÏ

_ Nếu muốn tịch trừ kẻ nghịch tặc oán địch ở địa phương thì nên cầu nơi tay Bảo Kích (cây kích báu) . Chân Ngôn là :

“ Án_ Thảm muội dã kỳ nãnh hạ lị , hồng phán tra “

軮 屹亙伏 狣蚱 扣刑　狣　民誑

* OMÏ_ SAMAYA AGNI HÀRE HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn hô triệu (kêu gọi) tất cả chư Thiên , Thiện Thần thì nên cầu nơi tay Bảo Loa (cái loa báu). Chân Ngôn là :

" Án_ Thương yết lệ , ma hạ thảm mãn diệm_ Tát-phộc hạ "

凋　戌一刑　　亙扣 屹屹兇　送扣

OMÏ_ SAMÏKARE MAHÀ SAMAYAMÏ_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn cầu giàu có, mọi loại trân bảo vật dụng thì nên cầu nơi tay Như Ý Bảo Châu. Chân Ngôn là :

" Án_ Phộc Nhật La phộc đá la, hồng phán tra "

輅　向忝 扔氛　狣　民誑

* OMÏ_ VAJRA PATRA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn mọi thứ bất an trở thành điều an ổn thì nên cầu nơi tay Quyến Sách (Sợi dây to) . Chân Ngôn là :

" Án_ Chỉ lị lã mô nại la, hồng phán tra "

凋　丁印　先先　　刖治　狣 民誑

* OMÏ_ KILI RARA RAUDRA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn trị các bệnh khổ trong bụng thì nên cầu nơi tay Bảo Bát (Cái bát báu) Chân Ngôn là :

" Án_ Chỉ lị chỉ lị , phộc nhật la , hồng phán tra "

輅　丁印　丁印　向忝　狣　民誑

* OMÏ_ KILI KILI VAJRA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn có nam nữ và tôi tớ thì nên cầu nơi tay Ngọc Hoàn (Cái Vòng ngọc) Chân Ngôn là :

“ Án_ Bát ná hàm, vị la dã_ Tát phộc hạ “

湡　扔痧　吃先伏　送扣

* OMÏ_ PADMA VÌRAYA_SVÀHÀ

_ Nếu muốn thành tựu tất cả tiếng Phạm Âm thì nên cầu nơi tay Bảo Đạc (Cái chuông báu nhỏ) Chân Ngôn là :

“ Nẵng mô bát ná hàm bá noa duệ. Án_ a mật lật đảm nghiễm bệ thất lị duệ, thất lị chiêm lị nãnh_Tát phộc hạ “

巧伕 扔痧扒仕份　湡　狣猵凹 丫瘈先　冑份　冑亙印市 送扣

* NAMO PADMAPÀNÏAYE_ OMÏ_ AMRÏTA GAMBHÌRA ‘SRÌYE, ‘SRÌ MÀLINÏI_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn giáng phục tất cả Thiên Ma , Ngoại Đạo thì nên cầu nơi tay Bạt Chiết La. Chân Ngôn là :

“ Án_Nễ bệ, nễ bệ nễ bả dã, ma hạ thất lị duệ_ Tát phộc hạ “

湡　叵本　叵本　司扔伏　亙扣　冑份　送扣

* OMÏ_ DÌPE DÌPE DÌPAYA, MAHÀ ‘SRÌYE_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn đời đời sinh ra chẳng xa lìa và ở bên cạnh Đức Phật thì nên cầu ở tay Hóa Phật. Chân Ngôn là :

“ Án_ Chiến ná la bà hàm tra lị ca lị ná kỳ lị ná kỳ lị nê , hồng phán tra “

湡　弋誂矛　亙汔印　一共仕 鉎谼　鉎　狫　民誆

* OMÏ_ CANDRÀBHA MANÏDÏALI KALINA GRÏHNÏA GRÏHNÏI HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn đời đời kiếp kiếp ở trong Cung Điện của Phật, chẳng ở trong bào thai để thọ thân người thì nên cầu nơi tay Hóa Cung Điện. Chân Ngôn là :

“ Án_ Vĩ tát la, vĩ tát la, hồng phán tra “

湡　合屹先　合屹先　狫　民誆

* OMÏ_ VISARA VISARA HÙMÏ PHATÏ

_ Nếu muốn thông minh, nghe nhiều học rộng chẳng quên mất thì nên cầu nơi tay Bảo Kinh (Quyển Kinh báu) Chân Ngôn là :

“ Án_ A hạ la tát la phộc vĩ nễ dã đà la, bố nễ đế_ Tát phộc hạ “

湡 玅成先 屹楠　合渰四先　觢元包　送扣

* OMÏ_ ÀHARA SARVA VIDYADHÀRA PÙJITE_ SVÀHÀ

_Nếu muốn từ thân này cho đến được Phật Thân chẳng bị thoái chuyển Tâm Bồ Đề thì nên cầu nơi tay Kim Luân (Bánh xe vàng) Chân Ngôn là :

“ Án_ Thiết na_ Tát phộc hạ “

湡　圬巧 伙併 送扣

* OMÏ_ ‘SINA MESÏYA_ SVÀHÀ

_ Nếu muốn có được quả trái, các thứ lúa gạo thì nên cầu nơi tay Bồ Đào. Chân Ngôn là :

“ Án_ A ma la kiến đế nễ nãnh_ Tát phộc hạ “

湡 狣亙匡入 包兮仗 送扣

* OMÏ_ AMALAKAMÏ TEJENÏI_ SVÀHÀ

Quán Thế Aâm Bồ Tát nói Chú này xong thì Đại Địa chấn động theo 6 cách. Trời tuôn mưa hoa báu phơi phới rơi xuống, 10 phương chư Phật thảy đều vui vẻ. Thiên Ma, Ngoại Đạo sợ hãi khiến lông tóc dựng đứng. Tất cả Chúng Hội đều được Quả Chứng hoặc được quả Tu Đà Hoàn, hoặc được quả Tư Đà Hàm, hoặc được quả A Na Hàm, hoặc được quả A Na Hàm, hoặc được quả A La Hán, hoặc được Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa cho đến Thập Địa. Vô lượng chúng sinh phát Tâm Bồ Đề

ĐẠI BI ĐÀ LA NI KINH VÀ CHÚ (Hết)

19/07/2006

---o0o---
Hết